

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-PT

Ngày 09-01-2019

V/v tranh chấp đòi lại tài sản,
bồi thường thiệt hại về tài sản và
tranh chấp hợp đồng thuê quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đắc Dương.

Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 17, 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 508/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Mộng T: Ông Sơn D, sinh năm 1963 theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Giang Minh C, Văn phòng luật sư Giang Minh C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Diệp Khánh H, sinh năm 1960 (có mặt).
- 2. Bà Châu Thị A, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 1. Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 2005 (vắng mặt).
- 2. Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của chị Nguyễn Kim H, chị Nguyễn Kim N:
Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1977 (xin xét xử vắng mặt).

- 3. Bà Tạ Thị Q, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 8 năm 2017 của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T và lời khai của ông Sơn D là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Ngày 30/5/2007 bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H có cho chồng của bà là ông Nguyễn Công H1 (chết ngày 23/11/2016) thuê quyền sử dụng đất thửa số 1718, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 3.900m², tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh để bán vật liệu xây dựng. Thời gian thuê đất là 10 năm, từ ngày 30/5/2007 đến ngày 30/5/2017, giá thuê 120.000.000 đồng/10 năm. Sau khi thuê đất hai bên đã thanh toán xong tiền thuê đất, do hiện nay ông H1 đã chết nên bà T trả lại mặt bằng cho ông H và bà A. Nhưng ông H và bà A không cho bà T tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, vật liệu xây dựng ra khỏi đất. cụ thể như sau:

- Nhà cấp 4 để ở và buôn bán diện tích 87.54m², nhà sau diện tích 70.39m², mái che diện tích 27.38m².
- 03 kho chứa vật liệu xây dựng diện tích 228.22m².
- Đá 1x2 và 2x3 hỗn hợp có khối lượng 90.91m³.
- Đá 4x6 và 5x7 hỗn hợp có khối lượng 71.04m³.
- Đá 0x4 và 1x2 hỗn hợp có khối lượng 15.47m³.
- Cát Vĩnh Xương có khối lượng 124.36m³.
- Bãi hỗn hợp cát đá các loại khối lượng 129.21m³.

Nay ông yêu cầu ông H và bà A trả giá trị nhà, vật kiến trúc, vật liệu xây dựng nói trên cho bà T, bà T đồng ý giao toàn bộ tài sản trên cho ông H và bà A sử dụng.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 09 tháng 3 năm 2017 của bị đơn bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H và lời khai của ông Đồng Văn H2 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Ông H và bà A thống nhất cho bà T di dời nhà, vật kiến trúc, vật liệu xây dựng ra khỏi thửa đất số 1718 theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, trong quá trình thuê đất ông H còn thiếu tiền thuê đất và làm thiệt hại một số tài sản của ông H và bà A, nên ông H và bà A yêu cầu bà T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng 618.24m³, khối lượng 358.05m³; bồi thường 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn lại bằng 60.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 17, 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng T về việc di dời nhà chính có tổng diện tích là 87.54m², nhà sau diện tích 70.39m², mái che bên hông nhà diện tích 27.38m², kho chứa đồ bên hông nhà ở diện tích 13.51m², nhà kho 1 diện tích 80.68m², nhà kho 2 diện tích 25.20m², nhà kho 3 diện tích 122.34m² trên thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mộng T yêu cầu bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H trả lại các phần cát đá 1x2 và 2x3 có khối lượng 90.91m³, đá 4x6 và 5x7 có khối lượng 71.04m³, đá 0x4 và 1x2 có khối lượng 15.47m³, cát Vĩnh Xương có khối lượng 124.36m³, khối lượng cát đá hỗn hợp 129.21m³. Giao cho bà A và ông H toàn quyền sở hữu cát đá trên, nhưng bà A và ông H phải trả lại giá trị bằng tiền cho bà T số tiền 129.150.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà A và ông H. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà A và ông H số tiền 48.814.500 đồng san lấp 02 hố cát, đá. Không chấp nhận yêu cầu của bà A và ông H về việc yêu cầu bà T trả số tiền 60.000.000 đồng, sửa chữa trụ điện, trụ chống nhà kho.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả; án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H kháng cáo, yêu cầu bà T di dời cát, đá ra khỏi thửa đất số 1718 không đồng ý trả giá trị cát, đá cho bà T số tiền 129.150.000 đồng. Yêu cầu bà T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng 618.24m³, khối lượng 358.05m³; bồi thường 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn lại bằng 60.000.000 đồng.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 191/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 17, 18 tháng 9 năm 2018

của Tòa án nhân dân huyện C theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, toàn bộ khối lượng cát, đá 431m³ bà T yêu cầu nhận giá trị là phù hợp, vì hiện nay do bà A và ông H buôn bán vật liệu xây dựng đã đổ chồng lên khối lượng cát, đá đang tranh chấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đã trình bày nêu trên.

- Bị đơn giữ nguyên kháng cáo đối với yêu cầu bà T di dời cát, đá ra khỏi thửa đất số 1718 không đồng ý trả giá trị cát, đá cho bà T số tiền 129.150.000 đồng. Rút yêu cầu phản tố và kháng cáo đối với yêu cầu bà T bồi thường 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn lại bằng 60.000.000 đồng. Rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bà T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng 618.24m³, khối lượng 358.05m³.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh rút kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa và hủy một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Châu Thị A, ông Diệp Khánh H và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H rút một phần đơn yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo đối với việc yêu cầu bà Trần Thị Mộng T bồi thường thiệt hại 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn

lại bằng 60.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Sơn D đồng ý với việc rút một phần đơn yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H. Xét yêu cầu rút một phần đơn yêu cầu phản tố và một phần yêu cầu kháng cáo của bà A và ông H là có căn cứ nên chấp nhận. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc bà A và ông H yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn lại bằng 60.000.000 đồng. Bà A và ông H có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Cũng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu bà T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng $618.24m^3$, khối lượng $358.05m^3$. Xét yêu cầu rút một phần kháng cáo của bà A và ông H là có căn cứ nên chấp nhận. Đình chỉ xét xử phúc thẩm, đối với việc bà A và ông H yêu cầu bà T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng $618.24m^3$, khối lượng $358.05m^3$.

[4] Bà A và ông H kháng cáo yêu cầu bà T di dời cát, đá ra khỏi thửa đất số 1718 không đồng ý trả giá trị cát, đá cho bà T số tiền 129.150.000 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo của bà A và ông H là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, toàn bộ vật liệu xây dựng của bà Thiện nay để trên đất của ông H, bà A và do ông H, bà A quản lý. Đồng thời, vật liệu xây dựng của bà T có khối lượng, kích thước và chủng loại cụ thể, nên buộc ông H, bà A phải giao trả vật liệu xây dựng cho bà T cụ thể như sau: Đá 1x2 và 2x3 hỗn hợp có khối lượng $90.91m^3$; đá 4x6 và 5x7 hỗn hợp có khối lượng $71.04m^3$; đá 0x4 và 1x2 hỗn hợp có khối lượng $15.47m^3$; cát Vĩnh Xương có khối lượng $124.36m^3$; cát đá các loại hỗn hợp có khối lượng $129.21m^3$.

[5] Cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng T về việc di dời nhà chính có tổng diện tích là $87.54m^2$, nhà sau diện tích $70.39m^2$, mái che bên hông nhà diện tích $27.38m^2$, kho chứa đồ bên hông nhà ở diện tích $13.51m^2$, nhà kho 1 diện tích $80.68m^2$, nhà kho 2 diện tích $25.20m^2$, nhà kho 3 diện tích $122.34m^2$ trên thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chưa đảm bảo cho việc thi hành án, nên sửa phần này của án sơ thẩm.

[6] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Lờn bào chữa của vị Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn không có cơ sở, nên không chấp nhận; Chấp nhận kháng cáo của ông H và bà A, sửa và hủy một phần bản án sơ thẩm.

[7] Ông H và bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 308, Điều 289, Điều 311 và Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H.

Sửa và hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 17, 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 165, Điều 166 và khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 608, Điều 703, Điều 705, Điều 706 và Điều 713 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng T về việc di dời nhà chính có tổng diện tích là 87.54m², nhà sau diện tích 70.39m², mái che bên hông nhà diện tích 27.38m², kho chứa đồ bên hông nhà ở diện tích 13.51m², nhà kho 1 diện tích 80.68m², nhà kho 2 diện tích 25.20m², nhà kho 3 diện tích 122.34m² trên thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị Mộng T có nghĩa vụ di dời tài sản gồm: Nhà chính có tổng diện tích là 87.54m², nhà sau diện tích 70.39m², mái che bên hông nhà diện tích 27.38m², kho chứa đồ bên hông nhà ở diện tích 13.51m², nhà kho 1 diện tích 80.68m², nhà kho 2 diện tích 25.20m², nhà kho 3 diện tích 122.34m² trên thửa đất số 1718, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H không được ngăn cản.

2. Buộc bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H phải giao trả vật liệu xây dựng cho bà Trần Thị Mộng T, cụ thể như sau:

- Đá 1x2 và 2x3 hỗn hợp có khối lượng 90.91m³.
- Đá 4x6 và 5x7 hỗn hợp có khối lượng 71.04m³.
- Đá 0x4 và 1x2 hỗn hợp có khối lượng 15.47m³.
- Cát Vĩnh Xương có khối lượng 124.36m³.
- Cát đá các loại hỗn hợp có khối lượng 129.21m³.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H. Buộc bà Trần Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H số tiền 48.814.500 đồng (*Bốn mươi tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn, năm trăm đồng*) san lấp 02 hố cát, đá.

4. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H yêu cầu bà Trần Thị Mộng T bồi thường thiệt hại 01 cây cột điện bị gãy; 01 cây cột chống nhà kho bị cong làm cho nhà bị sụp xuống và tiền thuê đất 05 năm còn lại bằng 60.000.000 đồng. Bà Châu Thị A

và ông Diệp Khánh H có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị A và ông Diệp Khánh H về việc yêu cầu bà Trần Thị Mộng T phải san lấp 02 hố cát có khối lượng 618.24m³, khối lượng 358.05m³.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án khi đến hạn) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A phải chịu 6.450.000 đồng (*Sáu triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 5.440.725 đồng (*Năm triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*) do yêu cầu phản tố không được chấp nhận, nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng (*Sáu triệu, năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008994 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A phải nộp tiếp tiền án phí là 5.390.725 đồng (*Năm triệu, ba trăm chín mươi ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*). Buộc bà Trần Thị Mộng T phải chịu 2.440.725 đồng (*Hai triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng*) án phí, nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0008908 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Trần Thị Mộng T được nhận lại số tiền 7.559.275 đồng (*Bảy triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0018444 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

9. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), ông Diệp Khánh H và bà Châu Thị A đã nộp tạm ứng trước số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), nên ông H và bà A đến Tòa án nhân dân huyện C nhận lại 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Bà Trần Thị Mộng T phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) bà Trần Thị Mộng T đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), nên bà T đến Tòa án nhân dân huyện C nhận lại 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Hoàng Vân